

Số: 504/KH-SGDĐT

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2022

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên v/v Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030,

Căn cứ Công văn số 175/STTT-BCVTCNTT ngày 28/2/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông v/v phối hợp thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030

Căn cứ Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch Thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa việc triển khai và thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, góp phần đổi mới căn bản và toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số; lợi ích mang lại cho người học, đội ngũ nhà giáo và người dân là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi số.

### 2. Yêu cầu

Xác định rõ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện theo đúng lộ trình; đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, có sự quản lý và phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện.

Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo cần có sự thay đổi nhận thức mạnh mẽ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp quản lý, sự chủ động, tích cực của

các cơ sở giáo dục và sự ủng hộ tham gia của mỗi người học, mỗi nhà giáo và toàn xã hội.

Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số quốc gia; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

Hoàn thiện thể chế trên cơ sở các mô hình thử nghiệm và phát triển một số nền tảng, tài nguyên giáo dục sử dụng chung là chìa khóa để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

## **II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HƯNG YÊN**

### **1. Hạ tầng kỹ thuật**

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại các đơn vị trường học thuộc khối trung học phổ thông, trung học cơ sở đã đầu tư trang bị đáp ứng tương đối tốt nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh bao gồm cả dạy trực tuyến và trực tiếp.

Tính đến đầu năm học 2021-2022, việc dạy học tin học ở các trường:

Tiểu học: 57/170 trường dạy tin học, 722/3.452 số lớp dạy môn tin học

THCS: 174/174 dạy tin học, với số lớp: 1.877/2.087

THPT và GDTX: 100% trường, học sinh dạy môn tin học.

Về cơ sở vật chất:

+ Hầu hết các trường Tiểu học, THCS, THPT trong tỉnh đã được trang bị có phòng máy phục vụ học tin học, có máy chiếu, màn hình ti vi, màn chiếu đa năng phục vụ việc đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên một cách thường xuyên và hiệu quả.

- 100% các trường học đều có ít nhất 01 đường truyền Internet tốc độ cao, các máy tính đều được kết nối Internet;

Trong năm học, ngành giáo dục tiếp tục mua sắm bổ sung máy tính, trang thiết bị CNTT, và các thiết bị dạy học hiện đại đáp ứng việc giảng dạy tin học trong đó kết nối mạng nội bộ (LAN) và Internet phục vụ dạy và học tin học cho giáo viên và học sinh.

100% cán bộ, công chức tại các phòng giáo dục đều có máy tính sử dụng trong công việc.

Để phục vụ công tác quản lý, tìm nguồn tài nguyên phục vụ dạy và học, phục vụ công tác văn phòng, quản trị.

Hưởng ứng chương trình “Sóng và máy tính cho em”, đã có nhiều đơn vị, tổ chức cá nhân ủng hộ máy tính, hạ tầng mạng phục vụ công tác dạy học trực tuyến.

Đến nay, về cơ bản học sinh Hưng Yên đều được tham gia học đầy đủ trực tuyến.

### ***Hạn chế:***

- Số lượng máy tính, các thiết bị CNTT còn thiếu nhiều so với nhu cầu học tập và ứng dụng CNTT hiện tại. Đa số các trường đều thiếu máy tính, máy móc xuống cấp không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu cho dạy học. Một số cơ sở giáo dục nằm trong khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, việc đầu tư cho cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT thấp nên chưa thực hiện tốt nhiệm vụ CNTT trong năm học.

- Một số trường đường truyền Internet chưa đảm bảo thiết bị cho việc dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến đáp ứng mọi tình huống xảy ra do dịch bệnh Covid-19.

- Kinh phí đã đầu tư cho lĩnh vực CNTT của ngành Giáo dục và Đào tạo trong những năm qua còn hạn chế: Chỉ tập trung cho mua bổ sung máy tính phục vụ giảng dạy và quản lý, nâng cấp, mua sắm một số phần mềm phục vụ soạn giảng bài giảng điện tử và duy trì tên miền các Cổng thông tin của đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Một số học sinh nghèo, cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn cần được quan tâm hơn các điều kiện trang thiết bị máy tính, đường truyền học trực tuyến.

### **3. Hiện trạng về nguồn nhân lực**

- Toàn ngành có 100% đơn vị thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, chỉ đạo điều hành và đổi mới phương pháp dạy học; hầu hết cán bộ, công chức, viên chức biết sử dụng máy tính trong công việc, các đơn vị đều có cán bộ kiêm nhiệm phụ trách CNTT (chưa có cán bộ chuyên trách).

- Số giáo viên dạy môn Tin học ở các cấp học: Tiểu học 43; THCS: 181, THPT 119 giáo viên; 100% giáo viên có khả năng ứng dụng CNTT hiệu quả trong giảng dạy, tích cực sử dụng các phần mềm dạy học, kiểm tra trực tuyến.

Đội ngũ giáo viên Tin học là lực lượng cốt cán, tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ giáo viên sử dụng công nghệ trong dạy học trực tuyến.

- Việc chỉ đạo lồng ghép các nội dung tập huấn chuyên môn với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực CNTT theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

### ***Hạn chế:***

Nhận thức của một số ít cán bộ, công chức, viên chức về vai trò của ứng dụng CNTT chưa cao, chưa tích cực sử dụng thư điện tử công vụ, việc sử dụng các phần mềm, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác CNTT tại các cơ sở kiêm nhiệm nhiều công tác khác trong khi đó chưa có cơ chế đãi ngộ thích hợp, một số cán bộ trình độ còn hạn chế dẫn đến chất lượng và hiệu quả công tác chưa cao.

#### 4. Hiện trạng về ứng dụng CNTT

##### - Ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản điều hành:

Sở Giáo dục và Đào tạo, 10 phòng Giáo dục và Đào tạo và 100% trường học trực thuộc Sở triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (đã giảm đáng kể chi phí, thời gian gửi nhận văn bản, tài liệu giữa các đơn vị).

##### - Sử dụng hệ thống thư điện tử:

Hệ thống thư điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo (\*@moet.edu.vn) đã được triển khai, đưa vào khai thác tại 100% các cơ quan, cơ sở giáo dục. Bên cạnh đó, còn cán bộ, giáo viên sử dụng hộp thư với các tên miền khác nhau, việc sử dụng thư điện tử đã thành nề nếp của cán bộ giáo viên ngành Giáo dục và Đào tạo. Đối với cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, 100% phòng ban và từng cá nhân cán bộ, công chức được cấp hộp thư điện tử theo tên miền của tỉnh (\*@hungyen.gov.vn).

##### - Cổng thông tin điện tử:

Cổng thông tin điện tử của ngành giáo dục và đào tạo triển khai chính thức từ 2018, đến nay vẫn duy trì hiệu quả tốt. Các đơn vị trực thuộc, các đơn vị trường học mầm non, tiểu học, THCS, THPT các trung tâm GDNN-GDTX đều có trang thông tin điện tử là thành viên cổng thông tin điện tử của Sở, việc thực hiện cung cấp thông tin, văn bản đã đi vào nề nếp, phản ánh đầy đủ các hoạt động của ngành là kênh thông tin chính thức quan trọng đến toàn thể giáo viên, học sinh và các tầng lớp trong xã hội.

##### - Hệ thống thông tin quản lý giáo dục (Eschool)

Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai Hệ thống thông tin quản lý giáo dục tới các đơn vị trường học phục vụ tốt cho công tác quản lý điều hành của các cơ quan quản lý giáo dục, Hệ thống đồng bộ liên thông dữ liệu với phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục do Bộ GDĐT triển khai. Ngành đã chỉ đạo các đơn vị từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu toàn ngành; thực hiện tin nhắn điều hành tới các đơn vị cơ sở có hiệu quả; khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý; Hoàn thiện một số hệ thống phục vụ cho công tác chuyên môn. Các đơn vị nhà trường và các cơ quan quản lý giáo dục đã sử dụng hệ thống Hệ thống thông tin giáo dục Hưng Yên một cách hiệu quả.

100% học sinh được số hóa thông tin về lý lịch, quá trình học tập, rèn luyện, theo dõi sức khỏe,...; 100% cán bộ quản lý, giáo viên được số hóa hồ sơ, trình độ chuyên môn, đánh giá theo chuẩn, lương...;

Đồng thời khuyến khích các đơn vị trường học sử dụng các phần mềm Sở liên lạc điện tử như Smas, Edu, EnetViet ... sử dụng thống nhất nguồn dữ liệu từ cơ sở dữ liệu tập trung của toàn ngành.

##### - Một số các ứng dụng chuyên ngành đang triển khai, khai thác sử dụng:

Hiện nay, 100% các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo của tỉnh đã triển khai sử dụng thống nhất, đồng bộ các phần mềm ứng dụng trong toàn ngành như:

- Phần mềm quản lý nhân sự (Do Sở Nội vụ triển khai và ePMIS do Bộ GDĐT triển khai);
- Hệ thống sinh hoạt chuyên môn trường trực tuyến (truonghocketnoi.edu.vn);
- Phần mềm kế toán MISA;
- Các phần mềm dạy học trực tuyến (MS Teams, Zoom, Googe Meet,...), các ứng dụng kiểm tra đánh giá học sinh trực tuyến;
- Hệ thống quản lý phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại 10 huyện, thị xã, thành phố;
- Hệ thống quản lý trường học phần mềm Quản lý nhà trường SMAS của Tập đoàn Viễn thông Quân đội và Hệ thống quản lý thông tin nhà trường VNEDU của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

- Tổ chức thường xuyên các hoạt động hội nghị, họp trực tuyến đây là hình thức phù hợp nhất khi dịch bệnh phức tạp trên địa bàn tỉnh. Năm học 2020-2021, 80% các cuộc họp, hội thảo, hội nghị do Sở GDĐT tổ chức bằng hình thức trực tuyến. Đầu năm học 2021-2022, 100% các Hội nghị tổng kết và hướng dẫn nhiệm vụ năm học được tổ chức bằng hình thức trực tuyến phủ đến từng cơ sở giáo dục, từng giáo viên trên địa bàn tỉnh.

Ngành đã hoàn thành triển khai phần mềm phổ cập giáo dục và chống mù chữ, phần mềm hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non và các trường phổ thông, Hệ thống quản lý rủi ro thiên tai ngành Giáo dục và Đào tạo, phần mềm thống kê chất lượng giáo dục Tiểu học để cung cấp số liệu cho bậc học;

- Hệ thống ngân hàng câu hỏi, phần mềm thi tập trung trực tuyến cho giáo viên và học sinh khối các trường phổ thông (MasterTest Online, TestOnline);

- Tập huấn, triển khai phần mềm soạn bài giảng E-learning, các phần mềm hỗ trợ dạy và học cho toàn bộ giáo viên, học sinh của ngành và khuyến khích sử dụng phần mềm mã nguồn mở để tiết kiệm chi phí và tránh vi phạm bản quyền phần mềm;

Một số phần mềm do các trường chủ động thực hiện nhằm tăng cường sự quản lý học tập và rèn luyện học sinh như: Sổ liên lạc điện tử SMAS 3.0; Sổ liên lạc điện tử VnEdu;

Đánh giá: Nhìn chung, việc triển khai ứng dụng CNTT về cơ bản đã đạt được mục tiêu ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2021, góp phần cải cách hành chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác dạy học, công tác quản lý. Hạ tầng kỹ thuật CNTT được đầu tư đảm bảo kết nối và triển khai các ứng dụng dùng chung để trao đổi thông tin trên môi trường mạng nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

### ***Hạn chế:***

- Chưa có khung ứng dụng chính quyền điện tử tổng thể toàn ngành và liên thông với các hệ thống chính phủ điện tử.
- Chưa có nền tảng để triển khai các dịch vụ thông minh và kết nối. Dữ liệu phân tán, chưa tập trung. Khó khăn trong việc thống kê, báo cáo.
- Chưa xây dựng được kho học liệu dùng chung và các ứng dụng chia sẻ có chất lượng.
- Nguồn tài nguyên, học liệu của ngành phục vụ cho dạy học, thi, kiểm tra chưa phong phú. Việc khai thác và sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học chưa phát huy hết hiệu quả. Toàn ngành chưa thực hiện việc tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá trực tuyến quy mô cấp tỉnh.
- Chưa có hệ thống phần mềm tuyển sinh đầu cấp sử dụng trực tuyến kết nối cơ sở dữ liệu toàn ngành,
- Chưa có hệ thống phần mềm Thư viện cho toàn ngành sử dụng trực tuyến kết nối cơ sở dữ liệu của ngành.
- Thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 còn hạn chế.
- Một số đơn vị trực thuộc chậm đăng ký chữ ký số cá nhân lãnh đạo và đơn vị đề tăng cường hiệu quả phần mềm văn bản điều hành, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, góp phần nâng cao chất lượng quản lý hành chính.
- Một bộ phận nhân viên làm công tác văn phòng, thống kê còn yếu về kỹ thuật, chưa đáp ứng yêu cầu. Cấp Tiểu học chưa có biên chế giáo viên bộ môn Tin học. Còn một bộ phận giáo viên chưa tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, chưa nhận thức đúng về vị trí, vai trò của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay.
- Đang thiếu kinh phí để duy trì, nâng cấp các hệ thống thông tin đã xây dựng như: Hệ thống thông tin giáo dục, Cổng thông tin ngành, Kho bài giảng trực tuyến,

### **5. Công tác đảm bảo an toàn thông tin**

Nhìn chung, công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong thời gian qua chưa đáp ứng yêu cầu. Internet và công nghệ thông tin hiện nay phát triển rất nhanh cả về số lượng, quy mô, công nghệ và độ phức tạp nên còn tồn tại cũng như liên tục phát sinh mới các điểm yếu, hầu như không áp dụng biện pháp đảm bảo an toàn thông tin và chưa có quy trình để ứng phó khi có sự cố xảy ra. Tỷ lệ máy tính được đầu tư trang bị phần mềm diệt virus (bao gồm, phần mềm miễn phí và trả phí) còn thấp.

## **III. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây

dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Cùng với các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh Hưng yên từng bước hoàn thiện nền tảng chuyển đổi số của ngành, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chuyển đổi số của toàn tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Mục tiêu đến năm 2025**

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học

Cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ từ năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương, mỗi cơ sở giáo dục và đồng bộ với Kế hoạch chuyển đổi số của toàn tỉnh; từng bước hình thành nền tảng số cho xã hội học tập, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng tốt với chi phí thấp nhất cho mọi người dân.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến

+ Ứng dụng một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh sử dụng

+ Hình thành kho học liệu trực tuyến của tỉnh kết nối với kho học liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến

Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học (tính trên số lượng tiết học và điểm kiểm tra đánh giá kết quả học tập);

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia;

+ Các cơ quan quản lý giáo dục địa phương được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

+100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

## **2.2. Mục tiêu đến năm 2030**

Đến 2030, cơ bản thực hiện chuyển đổi số một cách toàn diện ngành Giáo dục tỉnh Hưng yên, phấn đấu đưa ngành Giáo dục Hưng Yên nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số. Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân vào môi trường số, trong đó:

- Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến quốc gia tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

## **3. Yêu cầu**

Áp dụng hiệu quả các giải pháp CNTT tiên tiến, an toàn, phù hợp thực tiễn để tạo sự đột phá, rút ngắn thời gian chuyển đổi số.

Lấy người học và người dạy làm trung tâm quá trình chuyển đổi số; lợi ích mang lại cho người học, đội ngũ nhà giáo và người dân là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi trong ngành.

Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số của thành công để xây dựng “cơ quan số” tại đơn vị, địa phương, toàn ngành Giáo dục; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của đơn vị, và toàn ngành.



Trong chỉ đạo, điều hành, mỗi cán bộ quản lý, cấp quản lý phải chuyển đổi nhận thức, xuất phát từ người đứng đầu phương châm “4 không, 1 có”, cụ thể: Làm việc không giấy tờ, hội họp không tập trung; dịch vụ công không gặp mặt; thanh toán không dùng tiền mặt và có số hóa thông tin, dữ liệu.

Xác định chuyển đổi số là cơ hội để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (Khóa XI).

Mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành Giáo dục không ngừng nỗ lực, chủ động cập nhật bổ sung kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc phù hợp với yêu cầu, định hướng về chuyển đổi số.

#### **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

##### **1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh và sinh viên;

b) Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

##### **2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học**

###### **a) Đổi mới mô hình dạy - học**

- Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Xây dựng một số trung tâm đào tạo và nghiên cứu xuất sắc về công nghệ theo hình thức hợp tác công - tư cho giáo dục đại học.

###### **b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung**

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác;

phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở đào tạo đại học; phát triển các phòng thí nghiệm ảo, các phòng thực hành và thực tập ảo nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo trong giáo dục đại học.

### **3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục**

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cải cách các mô hình quản trị cơ sở giáo dục (quản lý tuyển sinh, quản lý chương trình đào tạo, quản lý thông tin người học, quản lý thông tin đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, quản trị văn phòng điện tử, quản lý các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khác);

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số;

- Triển khai công dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4;

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục; hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn của ngành giáo dục tại Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo);

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục;

- Phát triển các trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở cơ quan quản lý giáo dục và trường học, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục.

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục;

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục;

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

#### **4. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI)**

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu;

c) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào

chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số;

d) Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế liên quan để cung cấp các số liệu kịp thời cho các tổ chức quốc tế.

### **5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

a) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin trong và ngoài nước, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục;

c) Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy - học trong các nhà trường.

### **6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách**

a) Rà soát và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học;

b) Rà soát và ban hành các quy định kỹ thuật về dữ liệu; hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; ban hành tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong ngành giáo dục; ban hành các bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục;

c) Ban hành chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục (Edtech); chính sách máy tính giáo dục cho học sinh, sinh viên; chính sách Internet giáo dục;

d) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Xây dựng, phát triển trung tâm đánh giá tác động và hỗ trợ chuyển đổi số trong giáo dục nhằm hỗ trợ phụ huynh, học sinh, tổ chức, cá nhân và các đơn vị trong quá trình chuyển đổi số giáo dục.

Xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin học tập, thông tin giáo dục dựa trên nền tảng mạng xã hội.

Phát triển các ứng dụng giáo dục trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi.

## **7. Giải pháp Chuyển đổi số trong lĩnh vực GDDT**

Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

Số hóa tài liệu, giáo trình.

Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

Sử dụng các công nghệ và nền tảng số hóa nhằm nâng cao chất lượng việc dạy và học, thay đổi toàn diện công tác quản lý và điều hành ngành Giáo dục tỉnh Hưng yên

Hình thành hệ sinh thái giáo dục thông minh tỉnh Hưng yên với sự tham gia của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, phụ huynh và học sinh, hướng đến tích hợp với hệ sinh thái công dân điện tử của tỉnh.

100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

## **V. KINH PHÍ TRIỂN KHAI**

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện Đề án từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các bộ, ngành, địa phương theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Đề án; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia Đề án.

3. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong

các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

4. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

## **VI. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN**

*(Phụ lục đính kèm)*

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Văn phòng – Sở GDĐT**

a) Hướng dẫn các đơn vị, trường học triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này đảm bảo đúng mục tiêu đã đề ra. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai các nhiệm vụ cụ thể được giao trong Kế hoạch.

b) Đầu mối tiếp nhận và xử lý đề thực hiện cung cấp, công khai minh bạch thông tin theo quy định của pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh phục vụ người dân và doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và vận hành Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

c) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch. Kiểm tra, đánh giá và giám sát thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng sự hài lòng của người dân và tổ chức.

d) Tham mưu lãnh đạo Sở bố trí kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao.

đ) Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử về tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan theo quy định.

### **2. Các phòng chức năng thuộc Sở**

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị, trường học trong việc cung cấp, cập nhật, bổ sung các danh mục, chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

b) Đưa tiêu chí Phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng của cơ quan, đơn vị trường học để đánh giá thi đua, khen thưởng của đơn vị.

### **5. Phòng GDĐT, trung tâm GDNN-GDTX các huyện/TP/TX, các đơn vị trực thuộc:**

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng) trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Căn cứ các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, chủ động xây dựng Kế hoạch riêng tại đơn vị, tổ chức thực hiện theo quy định, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; lồng ghép về nội

dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai (nếu có), tránh trùng lặp, lãng phí. (*Kế hoạch của các đơn vị gửi về Văn phòng – Sở GDĐT để theo dõi*). Thực hiện báo cáo đầy đủ, đúng quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Phòng GDĐT các huyện/TP/TX;
- Trung tâm GDNN-GDTX các huyện/TP/TX;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng chức năng Sở;
- Lưu VT, VP.

**KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Tiến Hùng**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN**  
(Kèm theo Kế hoạch số 504/KH-SGDĐT ngày 29/3/2022)

<b>T T</b>	<b>Danh mục nhiệm vụ</b>	<b>Nội dung, quy mô đầu tư</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>
1	Công thông tin điện tử	Gia hạn, nâng cấp hệ thống công thông tin điện tử	2022-2025	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố
2	Hệ thống thông tin giáo dục Hưng Yên	Nâng cấp, duy trì Hệ thống thông tin giáo dục Hưng Yên (bao gồm chức năng thông tin điều hành, dịch vụ tuyển sinh đầu cấp)	2022-2025	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố
3	Xây dựng trường học số	- Chuẩn hoá khung phân loại các cấp độ trường học số tỉnh Hưng yên. - Thí điểm triển khai trường học số tại 02 trường THCS & 10 trường THPT trong năm 2022 (30% số trường THPT) bao gồm các nội dung sau: + Nâng cấp cơ sở hạ tầng số cho nhà trường. + Thuê dịch vụ, mua sắm và triển khai phần mềm ứng dụng. + Đào tạo giáo viên số, học sinh số, phụ huynh số. + Đào tạo hướng dẫn dạy và học, thi trực tuyến. + Hỗ trợ xây dựng lộ trình triển khai trường học số cho các cơ sở giáo dục phổ thông còn lại.	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố
4	Xây dựng CSDL Bài giảng điện tử và cung cấp dịch vụ khóa học trực tuyến chuẩn hoá phục vụ đổi mới hoạt động dạy và học	Xây dựng CSDL Bài giảng điện tử chuẩn hoá cấp tỉnh phục vụ 20% khối lượng chương trình THPT có thể thực hiện thông qua mạng Internet đáp ứng yêu cầu của Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT. Hệ thống đào tạo tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho Giáo viên Hưng yên qua mạng Innternet.	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố
5	Xây dựng công cụ chuyển đổi số toàn diện công tác kiểm tra đánh giá ở bậc phổ thông	Năm 2021 triển khai đồng bộ các trường THPT và 02 trường THCS, các năm tiếp theo triển khai nhân rộng xuống khu vực THCS & Tiểu học đáp ứng thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, thông tư 09/2021/TT-BGDĐT.	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố

Ngoài ra, các địa phương, đơn vị chủ động cân đối kinh phí nâng cấp hạ tầng CNTT tại các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành theo kế hoạch bảo đảm phù hợp, hiệu quả.